

**CÔNG BỐ NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG

Số: 17991
Ngày: 20/5/2026
Chuyên: Căn cứ nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
Lưu hồ sơ

Kính gửi: Sở Xây Dựng tỉnh An Giang

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ công văn hướng dẫn số: 3491/SXD-QLCL ngày 17 tháng 04 năm 2026 của Sở Xây Dựng tỉnh An Giang về việc tự công bố công khai thông tin năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của chính phủ;

Công Ty TNHH Xây Dựng Thoại Hà công bố, công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Thông tin về tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1.1 Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THOẠI HÀ

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số: 1601855643, cấp lần đầu ngày 07/01/2013, cấp lần 08 ngày 24/08/2025 của Sở Tài chính Tỉnh An Giang cấp.
- Địa chỉ: Số 02-04 Mai Hắc Đế, khóm Bình Khánh 7, phường Bình Đức, tỉnh An Giang.
- Người đại diện pháp luật: NGUYỄN CHÂU PHƯƠNG THANH Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 0913.877.345
- Website: <http://thoaiha.tempsite.com> ; Email: thoaihaco@gmail.com
- Mã số thuế: 1601855643
- Đáp ứng các yêu cầu chung: Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2017

1.2 Thông tin phòng thí nghiệm: PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG LAS-XD 01.003

- Địa chỉ PTN : Số 02-04 Mai Hắc Đế, khóm Bình Khánh 7, phường Bình Đức, tỉnh An Giang

- Trưởng phòng thí nghiệm: VÕ THÀNH LUÂN

1.3 Thông tin trạm thí nghiệm: không có

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

2.1 Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm; tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng:

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
I. THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG				
1.	Xác định độ mịn bằng phương pháp sàng, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023;	Sàng (kích thước mắt 0,09; 0,08; 0,045mm), cân kỹ thuật 3200g/0,01g, và cân phân tích 320g/0,001g, tủ sấy, Bình khối lượng riêng cổ cao.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
2.	Xác định cường độ nén và uốn của xi măng	TCVN 6016:2011;	Máy nén hiệu TYA-300 300kN/0,01 số : 171008A, tủ dưỡng mẫu xi măng model: YH-40B	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015, TCVN 8875:2012	Máy trộn vữa, bộ dụng cụ Vicat bao gồm kim xuyên độ dẻo tiêu chuẩn (10,00 ± 0,05) mm, kim xuyên bắt đầu đông kết (1,13 ± 0,05) mm, kim xuyên kết thúc đông kết có gắn sẵn vòng nhỏ có đường kính khoảng 5 mm chảo trộn, bay trộn hồ, cân đĩa từ 30kg /1g, ống đong, đồng hồ bấm giây.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
II. THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG				
4.	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022	Khuôn đúc mẫu 150x150x150mm, 150x300mm, bộ côn thử độ sụt + tấm đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
5.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	Côn thử độ sụt + tấm đế , que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại dài 500mm, đồng hồ bấm giây.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
6.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông sau khi đầm chặt	TCVN 3108:1993	Thùng kim loại 5l, 10l (cao 186 và 267mm), que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, cân đĩa 30kg (d=1g) , dao thép gạt	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân

			mẫu, búa cao su	
7.	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022	Thùng kim loại hình trụ dung tích 5 lít hoặc 10 lít, đường kính trong và chiều cao bằng nhau, bằng 234 hoặc 585mm; Khuôn thép kích thước 200x200x200mm, bàn rung, que chọc, cân kỹ thuật, sàng 5mm, thước lá kim loại, ống đong 50-200ml, pipet 5ml, tủ sấy, khay sắt	
8.	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110 :1993	Cân kỹ thuật; bộ sàng cát; tủ sấy; khay; bay; xẻng; máy trộn bê tông	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân Võ
9.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022	Bình khối lượng riêng cổ cao hoặc bình tam giác, Cân kỹ thuật, búa con, cối chày đồng, bình hút ẩm, Tủ sấy, sàng 5mm; 1.25mm; 0.125mm, nước cất, bình hút ẩm.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
10.	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:2022	Cân kỹ thuật; thùng ngâm mẫu, Tủ sấy, khăn lau, bàn chải, đá mài.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
11.	Xác định độ mài mòn bê tông	TCVN 3114 :2022	Cân kỹ thuật, máy mài đĩa, thước kẹp, vật liệu mài	
12.	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022	Cân điện tử, thước lá kim loại, tủ sấy, bình hút ẩm, túi chứa mẫu	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
13.	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:2022	Máy thử thấm bê tông; tủ sấy; bếp điện; thùng nấu paraffin; cọ quét; tủ sấy	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
14.	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022	Thước lá, Máy nén bê tông	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
15.	Xác định cường độ uốn của bê tông	TCVN 3119:2022	Máy thử kéo - nén, thước lá kim loại, đệm truyền tải, gối uốn 4 điểm tựa	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
16.	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi búa	TCVN 3120:2022	Máy nén, giá ép chẻ	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
17.	Xác định cường độ lăng trụ và modun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022	Máy nén, thước đo, biến dạng kế, khung đo biến dạng	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
18.	Xác định thành phần cấp phối cho BT và vữa	QĐ số 778/98/QĐ-BXD ngày 05/09/1998; TCVN 10796:2015	Khuôn đúc mẫu, khay bay chảo trộn, cối trộn, Máy nén mẫu, cân kỹ thuật	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân

19.	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCXDVN 239:2006; TCVN 12252:2020	Máy kéo - nén; Thước kẹp; máy khoan rút lõi; máy cắt bê tông	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
20.	Xác định hàm lượng sunfat trong bê tông	TCVN 9336:2012	Máy khoan rút lõi; máy cắt bê tông; thìa, que gạt lấy mẫu; túi đựng mẫu; sàng 0,14mm; cân kỹ thuật; cân phân tích; Tủ sấy; lò nung; giấy lọc định lượng; Axit clohydric (HCl) đậm đặc; Bari clorua (BaCl ₂), dung dịch 10 %; Bạc nitrat (AgNO ₃), dung dịch 0,5 %	Võ Thành Luân
III. THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, ĐÁ GÓC				
21.	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006	Cân kỹ thuật, dụng cụ lấy mẫu, thiết bị chia mẫu, ...	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
22.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006	Cân kỹ thuật; bộ sàng; tủ sấy ; khay đựng ; cọ quét	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
23.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu	TCVN 7572-4:2006	Bình khối lượng riêng, Cân kỹ thuật; bình hút ẩm; tủ sấy; bếp; chày cối; thùng ngâm mẫu; khăn thấm nước; bộ sàng	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
24.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 TCVN 10322:2014	Cân kỹ thuật; giỏ cân trong nước, thùng chứa nước để cân trong nước, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
25.	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006	Thùng đóng, Cân điện tử, phễu chứa mẫu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thước lá kim loại.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
26.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy, hộp đựng mẫu.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
27.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét, hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; AASHTO T112	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng rửa mẫu, khay đựng mẫu	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
28.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006	Bản màu chuẩn so sánh , ống dung tích loại 500ml, 1000ml, Cân kỹ thuật, sàng 5mm; 20mm, thuốc thử dung dịch NaOH 3%.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
29.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm	TCVN 7572-10:2006	Máy thử kéo - nén, máy khoan, Thước kẹp, thùng ngâm mẫu.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân

	của đá gốc			
30.	Xác định độ nén đập trong xilanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy thử kéo - nén, xi lanh bằng thép đk 75mm, 150mm, Cân điện tử, sàng tiêu chuẩn 5mm; 2.5mm; 1,25mm, tủ sấy, thùng ngâm mẫu.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
31.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006	Cân điện tử, sàng 37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 6.3; 4.75; 2.36; 1.7mm, tủ sấy, máy mài mòn Los Angeles.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
32.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	Cân điện tử, bộ sàng tiêu chuẩn, thước kẹp cải tiến, tủ sấy	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
33.	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:2006	Cân phân tích, Cân kỹ thuật, tủ sấy, lò nung, cối chày đồng, Bình phản ứng bằng thép không rỉ.	Võ Thành Luân
34.	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:2006	Cân phân tích, Cân kỹ thuật, tủ sấy, cối chày đồng, sàng tiêu chuẩn 0.14mm, máy hút chân không, bếp cách điện, giấy lọc, chén sứ, hóa chất HCL, HF, NaOH,	Võ Thành Luân
35.	Xác định hàm lượng sulfat và sulfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006	Cân phân tích, Cân kỹ thuật, tủ sấy, lò nung 1000 ⁰ C/ 1 ⁰ C, cối chày đồng, bếp điện, sàng 5mm, bình định mức 1000ml, cốc nung, hóa chất chỉ thị bari clorua, mety đỏ.	Võ Thành Luân
36.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006	Cân phân tích, tủ sấy, bộ sàng 5; 2.5; 1.25; 0.63; 0.315, 0.14mm, giấy nhám, đĩa thủy tinh.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
37.	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	Cân phân tích, tủ sấy, bộ sàng 5; 2.5; 1.25; 0.63; 0.315, 0.14mm, giấy nhám, đĩa thủy tinh.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
IV. THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG				
38.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1: 2022	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
39.	Lấy mẫu	TCVN 3121-2: 2022	Cân kỹ thuật, dụng cụ súc, bình chứa, bay dao nề, máy trộn	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân

40.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3: 2022	Cân kỹ thuật, thước kẹp, bàn dần, khâu hình côn.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
41.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6: 2022	Cân kỹ thuật, bình đong bằng kim loại không rỉ có thể tích 1L, đường kính trong 125mm	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
42.	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022	Máy hút chân không; phễu; đồng hồ bấm giây; giấy lọc; thiết bị thử độ lưu động	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
43.	Xác định khối lượng thể tích vữa mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022	Cân kỹ thuật; tủ sấy; thước kẹp; cân thủy tinh; parafin	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
44.	Xác định cường độ uốn và cường độ nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11: 2022	Khuôn. Chày đầm mẫu. Tủ dưỡng hộ mẫu. Tấm kính. Bộ gá thử uốn. Bộ gá thử nén. Máy nén.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
45.	Xác định hàm lượng ion clo hòa tan trong nước	TCVN 3121-17: 2022	Cân phân tích; Buret; tủ sấy; giấy lọc; Pipet; bình tam giác; bình định mức; bình hút ẩm; sàng; cốc thủy tinh; Acid trioxonitrat đặc (HNO_3); Bạc nitrat (AgNO_3); ...	Võ Thành Luân
46.	Xác định cường độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18: 2022	Khay. Bốn miếng đệm. Đồng hồ bấm giây. Cân kỹ thuật. Tủ sấy. Thùng lưu mẫu. Khuôn kim loại.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
47.	Xác định thành phần cấp phối của vữa	QĐ số 778/98/QĐ-BXD ngày 05/09/1998; TCVN 10796:2015	Khuôn đúc mẫu; khay bay chảo trộn; cối trộn; máy nén mẫu, bộ gá uốn, nén mẫu; cân kỹ thuật	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
V. GẠCH BÊ TÔNG				
48.	Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016	Thước kẹp, thước lá.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
49.	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016	Cân điện tử; thùng chứa mẫu; tấm kính; cát khô; phễu rót	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
50.	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 6477:2016	Máy thử nén; thước kẹp	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
51.	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016	Thiết bị thử độ thấm và bể ngâm mẫu, tủ sấy, Cân điện tử	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
52.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Cân điện tử, tủ sấy, thùng ngâm mẫu...	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
VI. THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ĐÁT SÉT NUNG				
53.	Xác định kiểm tra	TCVN 6355-	Thước kẹp, thước lá.	Cao Quốc Đạt;

	kích thước và khuyết tật ngoại quan	1:2009		Võ Thành Luân
54.	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009	Máy thử nén, Thước kẹp	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
55.	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy thử nén, Bộ gá thử uốn gạch; Thước kẹp	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
56.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu...	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
57.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước lá kim loại...	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
58.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Cân kỹ thuật; thùng chứa mẫu; tấm kính; cát	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
VII. THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN				
59.	Xác định kích thước, màu sắc và khuyết tật ngoại quan của gạch bê tông tự chèn	TCVN 6476:1999	Thước kẹp, thước lá.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
60.	Xác định cường độ chịu nén của gạch bê tông tự chèn	TCVN 6476:1999	Máy thử nén, Thước kẹp	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
61.	Xác định độ hút nước của gạch bê tông tự chèn	TCVN 6355-4:2009	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu...	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
62.	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065:1995	Thước; cân kỹ thuật; tủ sấy; vật liệu mài; máy mài	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
VIII. NGÓI LỢP				
63.	Xác định tải trọng uốn gãy	TCVN 4313:1995	Bộ gá thử uốn; máy nén	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
64.	Xác định thời gian xuyên nước	TCVN 4313:1995	Khuôn kim loại để chặn nước	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
65.	Xác định 1m ² ngôi bảo hòa nước	TCVN 4313:1995	Thước thép; cân kỹ thuật	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
66.	Xác định độ hút nước	TCVN 4313:1995	Tủ sấy; cân kỹ thuật; thùng ngâm mẫu	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
IX. GẠCH GÓM ỐP LÁT				
67.	Xác định độ hút nước (phương pháp đun sôi) ; Độ xốp biểu kiến ; Khối lượng riêng và khối lượng thể	TCVN 6415:2005	Thùng ngâm mẫu có thể gia nhiệt; tủ sấy; cân kỹ thuật; thước lá; bình hút ẩm; giá đỡ; cốc thủy tinh; bình chân không; bộ gá uốn mẫu; máy mài	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân

	tích ; Độ bền uốn và lực uốn gãy ; Độ mài mòn bề mặt với gạch phủ men			
X. THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN				
68.	Thử kéo	TCVN 197:2014	Máy thử kéo - nén; bộ ngàm kéo; cân kỹ thuật, thước thép.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
69.	Thử uốn	TCVN 198:2008	Máy thử kéo - nén; bộ gá uốn; cân kỹ thuật, thước thép.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
70.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 5401:2010	Máy thử kéo - nén, thước kẹp, thước thép	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
71.	Kiểm tra chất lượng hàn ống - thử nén dẹt	TCVN 5402:2010	Máy thử kéo - nén, thước kẹp, thước thép	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
72.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử kéo ngang	TCVN 5403:2010 TCVN 8310:2010	Máy thử kéo - nén, thước kẹp, thước thép	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
73.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010	Máy thử kéo - nén, thước kẹp, thước thép	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
74.	Thử cấp độ bền ren của bu lông, vít, vít cấy	ASTM A370; ASTM F606; ISO 898-1,2	Máy thử kéo - nén, thước kẹp, thước thép, bộ gá	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
75.	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp thẩm thấu	TCVN 4617:2018	Thiết bị phun xịt xách tay được; Vải (không có xơ); Bàn chải; Trang bị bảo vệ cá nhân; Nguồn ánh sáng trắng; Nguồn UV (A)	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
76.	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp dùng bột từ.	TCVN 4396:2018	Bàn chải sắt; Búa; Đục; Nam châm điện xách tay (Gông từ); Sơn trắng; Mực từ,...	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
XI. THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA				
77.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	Máy nén Marshall; khung gia tải; thiết bị đo lực và đồng hồ đo biến dạng 10mm/0.01mm, tủ sấy, bể ổn nhiệt duy trì 60°C, cân kỹ thuật, thước kẹp, nhiệt kế.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
78.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011	Máy quay ly tâm tách nhựa, Giấy lọc, tủ sấy, bếp điện, khay đựng mẫu, cân kỹ thuật, bình hút ẩm và các dụng cụ phụ trợ...	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân

79.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	Bộ sàng (37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 4.75; 2.36; 1.18; 0.6; 0.3; 0.15; 0.075), tủ sấy, bếp điện, khay đựng mẫu, cân kỹ thuật	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
80.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	Bình đựng mẫu, cân kỹ thuật, tủ sấy, máy hút chân không, bình lọc hơi nước, Áp kế, chân không kế, nhiệt kế.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
81.	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đặc đầm nén	TCVN 8860-5:2011	cân kỹ thuật, tủ sấy, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu cân trong nước, tủ sấy, nhiệt kế...	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
82.	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân kỹ thuật, bay chảo trộn mẫu	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
83.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	ống đong 100ml, phễu, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt, Cân kỹ thuật	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
84.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Máy khoan bê tông nhựa, Cân kỹ thuật, thùng đựng nước ngâm mẫu.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
85.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	Bình đựng mẫu, Cân kỹ thuật, tủ sấy, khay sấy mẫu, dây treo, giỏ đựng mẫu cân trong nước, nhiệt kế...	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
86.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu cân trong nước, nhiệt kế, giỏ lau...	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
87.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Cân kỹ thuật, tủ sấy, dây treo, giỏ đựng mẫu cân trong nước, nhiệt kế...	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
88.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Máy nén Marshall; khung gia tải, thiết bị đo lực và đồng hồ đo biến dạng 10mm/0.01mm, tủ sấy, bể ổn nhiệt duy trì 60°C, cân kỹ thuật, thước kẹp, nhiệt kế.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
XII. THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM				
89.	Lấy mẫu vật liệu nhựa bitum	TCVN 7494:2005	Dụng cụ lấy mẫu: can nhựa	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
90.	Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:2005	Máy đo độ kim lún Model : SZR-6; Số : KAP03B2007010 độ xuyên 0-35mm ,kim xuyên, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt, bình chuyển tiếp, đồng hồ đo thời	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân

			gian, nhiệt kế thủy tinh 100 ⁰ c	
91.	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005	Máy kéo dài, khuôn tạo mẫu bằng đồng, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, đèn cồn hay bếp dầu hỏa, dao cắt nhựa	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
92.	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005	Thiết bị vòng bi; nhiệt kế	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
93.	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005	Thiết bị cốc hồ Cleveland; Nhiệt kế; Bếp ga;	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
94.	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:2005	Cân kỹ thuật, bát sắt, lò nung, bình hút ẩm, tủ sấy đến 300 ⁰ c (± 1 °C), nhiệt kế điện tử 300 ⁰ c, cốc mẫu.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
95.	Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005	Dụng cụ lọc (cốc Gooch, lưới sợi thủy tinh, bình lọc, ống lọc, ống cao su hoặc bộ gá, tủ sấy, bình hút ẩm, cân phân tích 320g/0.001)	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
96.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005	Bình tỷ trọng kế, cân kỹ thuật, tủ sấy đến 300 ⁰ c (± 1 °C), nhiệt kế 100 ⁰ c, bể ổn nhiệt, chậu, nước cất, nước đá	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
97.	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005	Bình thủy tinh, bếp đun, nhiệt kế.	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
XIII. THÍ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG				
98.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến, cân điện tử, Cân kỹ thuật, sàng (19;4,75; 5mm), bình phun nước, tủ sấy, hộp nhôm	Nguyễn Bảo Hiên; Tạ Quang Nghiệp
99.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng) đất, đá	TCVN 4202:2012 TCVN 10322:2014	Dao vòng bằng kim loại, thước cặp, dao cắt có lưỡi thẳng, Cân kỹ thuật, tấm kính, dụng cụ xác định độ ẩm, hộp nhôm có nắp, tủ sấy; bình hút ẩm.	Nguyễn Bảo Hiên; Tạ Quang Nghiệp
100.	Xác định chỉ số CBR của đất, đá đầm trong phòng thí nghiệm	22 TCN 332:2006 TCVN 12792:2020	Máy nén CBR, khuôn CBR + tấm gia tải, đồng hồ so đo trương nở, bộ cối chày đầm CBR, tủ sấy), cân điện tử, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn (50; 19; 4.75mm), hộp đựng ẩm.	Nguyễn Bảo Hiên; Tạ Quang Nghiệp
101.	Đầm nén đất, đá đầm trong phòng thí nghiệm	22 TCN 333:2006 TCVN 12790:2020	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến, cân điện tử, Cân kỹ thuật, sàng (19;4,75; 5mm), bình phun nước, tủ sấy, hộp nhôm	Nguyễn Bảo Hiên; Tạ Quang Nghiệp
102.	Xác định khối lượng riêng (tỷ	TCVN 4195:2012	Cân kỹ thuật, bình tỷ trọng, cối chày sứ (đồng), rây 2mm, tủ sấy,	Nguyễn Bảo Hiên; Tạ Quang

	trọng)		tỷ trọng kế, bếp cách cát.	Nghiệp
103.	Xác định độ ẩm và độ hút nước	TCVN 4196:2012	Cân kỹ thuật, Bình hút ẩm, hộp ẩm, tủ sấy, cối chày sứ (đồng), rây 1mm, tủ sấy, cốc nhỏ (hộp nhôm có nắp)	Nguyễn Bảo Hiên; Tạ Quang Nghiệp
104.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012	Dụng cụ Casagrande, Tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, bình thủy tinh có nắp, cân kỹ thuật, tủ sấy	Nguyễn Bảo Hiên; Tạ Quang Nghiệp
105.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2012	Cân kỹ thuật, bộ rây (10, 5, 2, 1,05; 025, 0,1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, tủ sấy, bình hút ẩm, tỷ trọng kế, ống đong 1000ml, nhiệt kế, que khuấy, đồng hồ bấm giây.	Nguyễn Bảo Hiên; Tạ Quang Nghiệp
106.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012	Bay; Phễu tiêu chuẩn; Máy cắt; hộp cắt; tấm nén truyền lực; đồng hồ đo biến dạng	Nguyễn Bảo Hiên; Tạ Quang Nghiệp
107.	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012	Máy nén; mẫu chuẩn bằng kim loại; đồng hồ đo biến dạng; dao gạt đất; dao gạt bằng; dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng; tủ sấy; cân kỹ thuật	Nguyễn Bảo Hiên; Tạ Quang Nghiệp
108.	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	TCVN 9438:2012 ASTM D2166:01	Máy nén; bộ khung gá giữ mẫu; bộ khuôn cối; đồng hồ đo biến dạng; tấm đệm; thước; đồng hồ đo thời gian; cân kỹ thuật; các dụng cụ khác;...	Nguyễn Bảo Hiên; Tạ Quang Nghiệp
109.	Xác định các đặc trưng tan rã của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8718:2012	Phao nổi chuyên dụng; bình thủy tinh trong suốt; tủ sấy; khay đựng; bình giữ ẩm; cân kỹ thuật; dao vòng lấy mẫu; dao gạt đất; dụng cụ đầm chặt	Nguyễn Bảo Hiên; Tạ Quang Nghiệp
110.	Xác định các đặc trưng trương nở của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8719:2012	Thiết bị thí nghiệm trương nở chuyên dụng; cân kỹ thuật; sàng 2mm; dao gạt; khay đựng;...	Nguyễn Bảo Hiên; Tạ Quang Nghiệp
111.	Xác định các đặc trưng co ngót của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8720:2012	Thiết bị thí nghiệm độ ẩm và khối lượng thể tích; dao vòng; cân kỹ thuật; thước kẹp; ...	Nguyễn Bảo Hiên; Tạ Quang Nghiệp
112.	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất cát và đất sỏi (đất rời)	TCVN 8721:2012	Cối chày đầm proctor; tủ sấy; cân kỹ thuật; sàng 2mm và 5mm; khay đựng đất; dụng cụ nghiền đất; thùng đựng nước; đồng hồ bấm giây; dao và muôi xúc đất	Nguyễn Bảo Hiên; Tạ Quang Nghiệp

113.	Xác định đặc trưng lún ướt của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8722:2012	Thiết bị thí nghiệm nén lún 1 chiều; cối, chày đầm; thiết bị thí nghiệm độ ẩm và khối lượng thể tích; ...	Nguyễn Bảo Hiên; Tạ Quang Nghiệp
114.	Thí nghiệm trong phòng để xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012	Thiết bị đo góc nghỉ tự nhiên của đất rời; thùng chứa nước; sàng 2mm và 5mm; khay đựng đất; cối chày;	Nguyễn Bảo Hiên; Tạ Quang Nghiệp
115.	Thí nghiệm trong phòng để xác định hàm lượng hữu cơ	TCVN 8726:2012	Tủ sấy; bình hút ẩm; cân kỹ thuật; cân phân tích; cối, chày; sàng 2mm và 5mm; hộp chia mẫu; ống đong; pipet; ống nhỏ giọt; giấy lọc; bình tam giác; bếp đun; ...	Nguyễn Bảo Hiên; Tạ Quang Nghiệp
116.	Đo áp lực nước lỗ rỗng trong đất	TCVN 8869:2011	Giếng quan trắc MNN; các hệ thống đo áp lực nước; ...	Nguyễn Bảo Hiên; Tạ Quang Nghiệp
XIV. THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN				
117.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6065:1995	Thước kẻ; thước lá	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
118.	Độ mài mòn	TCVN 6065:1995	Thước; cân kỹ thuật; tủ sấy; vật liệu mài; máy mài	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
119.	Độ hút nước	TCVN 6065:1995	Cân kỹ thuật; tủ sấy; thùng ngâm mẫu	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
120.	Tải trọng uốn gãy toàn viên	TCVN 6065:1995	Thước lá; máy nén; bộ gá uốn mẫu gạch	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
XV. THỬ NGHIỆM GẠCH TERRAZZO				
121.	Kiểm tra kích thước khuyết tật ngoại quan; xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013	Thước; thước nivô; thước lá; tủ sấy; cân; khăn ẩm; thùng chứa nước; sáp; bàn chải; nước sạch	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
122.	Xác định độ chịu mài mòn bề mặt	TCVN 6065:1995	Thước; cân kỹ thuật; tủ sấy; vật liệu mài; máy mài	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
123.	Xác định độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy thử uốn; thước đo; các miếng kính; bay; chảo	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
XVI. THÍ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG				
124.	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 8729 :2012 TCVN 12791 :2020 22TCN 02 :1971	Dao đai tròn bằng thép, cân kỹ thuật, cân điện tử, dao gạt đất, hộp nhôm, bếp ga, tủ sấy, khay đựng	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
125.	Độ ẩm, KLTT của đất trong lớp kết cấu bằng phương	22TCN 346:2006	Phễu rót cát, búa đục, cọ, cân điện tử, bếp ga, tủ sấy, khay đựng mẫu	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân

	pháp rót cát			
126.	Xác định modun đàn hồi E nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Hệ thống chất tải; kích thủy lực; tấm ép cứng; đồng hồ đo biến dạng; giá đỡ đồng hồ đo biến dạng; cát khô, sạch; thước ni vô	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
127.	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước thẳng dài 3m; con nôm; chổi quét	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
128.	Xác định modun đàn hồi E chung của áo đường bằng cần Belkenman	TCVN 8867:2011	Cần đo vòng Belkenman; xe đo vòng; tải trọng; kích thủy lực	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
129.	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011	Vật liệu cát tiêu chuẩn; ống đong cát; bàn xoa; bàn chải sắt, bàn chải lông mềm; thước lá; cân điện tử	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
130.	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	Máy đo điện trở và các thiết bị phụ trợ	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
131.	Xác định chuyển vị ngang bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9399:2012	Mốc chuẩn; thước đo; máy thủy chuẩn;	Nguyễn Châu Phương Thanh
132.	Xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360:2024	Thước đo; máy thủy chuẩn; mốc chuẩn	Nguyễn Châu Phương Thanh
133.	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2022	Thiết bị khoan tạo lỗ; đầu xuyên; búa đóng;...	Nguyễn Bảo Hiên; Tạ Quang Nghiệp
134.	Cọc - Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	Kích thủy lực, đồng hồ so, dầm chuẩn, tấm đế, cục kê	Võ Thành Luân
135.	Xác định modun biến dạng hiện trường bằng tấm ép cứng	TCVN 9354:2012	Tấm ép, Kích thủy lực 500 tấn hệ thống bơm áp, đồng hồ so 0÷50mm	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
136.	Thí nghiệm CBR ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011	Kích thủy lực; vòng lực; đầu xuyên; đầu nối; cần nối; đồng hồ đo độ xuyên; giá đỡ đồng hồ; tấm gia tải	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
137.	Kết cấu bê tông cốt thép - Xác định độ bền của các bộ phận kết cấu chịu	TCVN 9344:2012	Thiết bị và vật liệu tạo tải trọng; thiết bị đo đặc	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân

	uốn trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh			
138.	Cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn - Phương pháp thử nghiệm gia tải để xác định độ bền độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:2012	Kích thủy lực; đồng hồ đo lực; dụng cụ đo bề rộng vết nứt	Cao Quốc Đạt; Võ Thành Luân
XVII. CỘT ĐIỆN BÊ TÔNG CỐT THÉP LY TÂM				
139.	Xác định kích thước, mức sai lệch cho phép; Kiểm tra ngoại quan và khuyết tật cho phép; Xác định khả năng chịu tải; Xác định lực kéo ngang đầu cột	TCVN 5847 :2016	Thước thép; thước kẹp; thước lá	Võ Thành Luân
XVIII. CÔNG CỘNG BÊ TÔNG CỐT THÉP THOÁT NƯỚC				
140.	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; Kiểm tra kích thước và độ vuông góc; Kiểm tra khả năng chịu tải; Kiểm tra độ thấm nước	TCVN 9113:2012	Thước thép; thước đo vết nứt; hệ kích thủy lực; khung; kính lúp; đồng hồ đo thời gian	Võ Thành Luân
XIX. CỌC BÊ TÔNG LY TÂM ỨNG LỰC TRƯỚC				
141.	Xác định kích thước, ngoại quan và khuyết tật cọc; Độ bền uốn nứt thân cọc; Độ bền uốn thân cọc PHC và NPH dưới tải trọng nén dọc trục; Khả năng bền cắt thân cọc PHC, NPH; Độ bền uốn gãy thân cọc; Độ bền uốn mối nối	TCVN 7888:2014	Thước thép; thước kẹp; kính lúp; bộ căn lá thép; máy ép thủy lực; thanh gối tựa; thanh truyền lực	Võ Thành Luân

2.2 Danh mục máy móc, thiết bị:

S TT	Tên máy móc, thiết bị, dụng cụ	Kiểu loại, thông số kỹ thuật chính	Năm sản xuất, Nước sản xuất	Tình trạng	Thời hạn hiệu chuẩn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
01	Máy thử kéo – nén – uốn	0÷1000kN (0.1kN)	Việt Nam	Hoạt động tốt	07/3/2027
02	Đồng hồ so	0÷10mm (0.01mm)	Trung Quốc	Hoạt động tốt	07/3/2027
03	Đồng hồ so	0÷50mm (0.01mm)	Nhật	Hoạt động tốt	07/3/2027
04	Cân kỹ thuật 2.1 kg	<2.1 kg (0.01 g)	Nhật	Hoạt động tốt	07/3/2027
05	Cân kỹ thuật 30 kg	<30 kg (1g)	Nhật	Hoạt động tốt	07/3/2027
06	Máy nén bê tông	0÷2000kN (0.1kN)	Trung Quốc	Hoạt động tốt	07/3/2027
07	Máy thử uốn - nén	0÷100kN (0.1kN)	Việt Nam	Hoạt động tốt	07/3/2027
08	Máy đo điện trở tiếp đất	0÷1999 Ω (0.1 Ω)	Thái Lan	Hoạt động tốt	07/3/2027
09	Kích thủy lực	0÷4000kN	Việt Nam	Hoạt động tốt	07/3/2027
10	Kích thủy lực	0÷2000kN	Việt Nam	Hoạt động tốt	07/3/2027
11	Kích thủy lực	0÷500kN	Việt Nam	Hoạt động tốt	07/3/2027
12	Kích thủy lực	0÷150kN	Việt Nam	Hoạt động tốt	07/3/2027
13	Máy thử thấm bê tông	0.5 kgf/cm ²	Việt Nam	Hoạt động tốt	07/3/2027
14	Máy nén Marshall	30kN	Trung Quốc	Hoạt động tốt	07/3/2027
15	Máy nén CBR	50kN	Trung Quốc	Hoạt động tốt	07/3/2027
16	Máy cắt đất	1.2kN	Trung Quốc	Hoạt động tốt	07/3/2027
17	Máy nén đất		Trung Quốc	Hoạt động tốt	07/3/2027
18	Máy trộn vữa		Trung Quốc	Hoạt động tốt	07/3/2027
19	Máy chiết nhựa		Việt Nam	Hoạt động tốt	07/3/2027
20	Máy khoan BTN	6.5hp	Việt Nam	Hoạt động tốt	07/3/2027
21	Máy mài mòn LosAngeles		Việt Nam	Hoạt động tốt	07/3/2027
22	Máy từ tính		Trung Quốc	Hoạt động tốt	07/3/2027
23	Máy kéo thử độ kéo dài (bitum)		Việt Nam	Hoạt động tốt	07/3/2027
24	Tủ sấy	10 ⁰ c÷300 ⁰ c	Trung Quốc	Hoạt động tốt	07/3/2027
25	Máy trộn bê tông		Việt Nam	Hoạt động tốt	07/3/2027
26	Máy khoan mẫu bê tông		Đức	Hoạt động tốt	07/3/2027
27	Máy khoan XY-1	9,7kW	Trung Quốc	Hoạt động tốt	07/3/2027
29	Máy kinh vĩ		Nhật	Hoạt động tốt	07/3/2027
30	Máy thủy bình		Nhật	Hoạt động tốt	07/3/2027

Ghi chú:

- Danh mục trên không bao gồm hệ thống sàng, thước, thiết bị đo lường dung tích, khuôn đúc, v.v.... Và hệ thống máy móc trang thiết bị khác;
- Các máy móc, thiết bị đều được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo luôn trong tình trạng sử dụng tốt;

- Các máy móc, thiết bị được kiểm định/hiệu chuẩn đúng quy định.

2.3 Danh sách cán bộ thí nghiệm viên:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Các chứng chỉ đào tạo	Công việc được giao
1	2	3	4	5	6
1	Nguyễn Châu Phương Thanh	1980	Đại học xây dựng công trình	- Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng; Chứng chỉ hành nghề về phòng cháy và chữa cháy; Chứng chỉ thí nghiệm viên	Giám Đốc
2	Võ Thành Luân	1991	Đại học xây dựng công trình	- Chứng nhận Quản lý phòng thí nghiệm theo TCVN ISO/IEC 17025:2017; - Chứng chỉ thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng giao thông; - Chứng nhận thử nghiệm thép xây dựng; - Chứng nhận bồi dưỡng kiến thức kỹ năng quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Chứng chỉ thử nghiệm vật liệu chế tạo bê tông nhựa & bê tông nhựa; - Chứng chỉ thí nghiệm viên phương pháp xác định tính chất cơ lý bê tông và vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường; - Chứng chỉ thí nghiệm viên hiện trường, kiểm tra hệ thống chống sét; - Chứng chỉ thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc.	Trưởng phòng Thí nghiệm
3	Tạ Quang Nghiệp	1974	Thạc sĩ	- Chứng chỉ hành nghề khảo sát địa	Thí

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Các chứng chỉ đào tạo	Công việc được giao
			kỹ thuật	chất;	nhịệm viên
4	Nguyễn Bảo Hiên	1985	Trung học địa chất công trình	- Chứng chỉ thí nghiệm phương pháp xác định tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường	Thí nghiệm viên
5	Cao Quốc Đạt	1993	THPT	- Chứng nhận thí nghiệm viên chuyên ngành xây dựng giao thông; - Chứng chỉ thử nghiệm tính chất cơ lý của đất trong phòng và đất ngoài hiện trường.	Thí nghiệm viên

Công Ty TNHH Xây Dựng Thoại Hà chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung công bố; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG



NGUYỄN CHÂU PHƯƠNG THANH